

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG GHI NHỚ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

Cơ sở lập Bảng ghi nhớ này dựa vào mục 1 (đối với CĐT) trong Nghị định 121/2013/NĐ-CP ban hành ngày 10/10/2013 về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh, vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

Stt	Lỗi vi phạm	Mức phạt tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý xử phạt
1	Không gửi văn bản thông báo ngày khởi công cho UBND cấp xã nơi xây dựng công trình và cơ quan cấp giấy phép xây dựng theo quy định;	Từ 0,5 triệu đến 1 triệu	Điểm a -khoản 1 - điều 12
2	Không gửi văn bản phê duyệt biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn cho công trình xây dựng và công trình lân cận đến UBND cấp xã nơi xây dựng công trình trước khi khởi công xây dựng công trình;		Điểm b -khoản 1 - điều 12
3	Không phê duyệt biện pháp tổ chức thi công theo quy định		Điểm c -khoản 1 - điều 12
4	Không che chắn hoặc che chắn nhưng để rơi vãi vật liệu xây dựng xuống các khu vực xung quanh hoặc để vật liệu xây dựng không đúng nơi quy định (đối với nhà ở riêng lẻ hoặc công trình khác)		Điểm a -khoản 1 - điều 13
5	Gây lún nứt, hư hỏng công trình lân cận hoặc công trình hạ tầng kỹ thuật (đối với nhà ở riêng lẻ nông thôn hoặc công trình khác)		Điểm a -khoản 2 - điều 13
6	Thi công sai giấy phép xây dựng được cấp đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo (đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ nông thôn hoặc công trình khác)		Điểm a -khoản 3 - điều 13

Stt	Lỗi vi phạm	Mức phạt tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý xử phạt
7	Thi công sai nội dung giấy phép xây dựng được cấp đối với trường hợp cấp phép xây dựng mới (đối với nhà ở riêng lẻ nông thôn hoặc công trình khác)	Từ 0,5 triệu đến 1 triệu	Điểm a -khoản 5 - điều 13
8	Không treo biển báo tại công trình thi công hoặc biển báo không đầy đủ nội dung theo quy định		Điểm a -khoản 1 - điều 15
9	Không lưu trữ hồ sơ năng lực của tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia giám sát chất lượng công trình.		Điểm b -khoản 1 - điều 15
10	Không có thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống QLCL của CĐT, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình cho các nhà thầu liên quan		Điểm a -khoản 1 - điều 16
11	Không gửi cơ quan có thẩm quyền báo cáo hoàn thành đưa công trình xây dựng vào sử dụng theo quy định		Điểm b -khoản 1 - điều 16
12	Không gửi báo cáo định kỳ tình hình chất lượng công trình xây dựng cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định		Điểm c -khoản 1 - điều 16
13	Không tổ chức lập hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng		Điểm d -khoản 1 - điều 16
14	Không báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng để kiểm tra theo quy định đối với công trình phải được cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng		Điểm đ -khoản 1 - điều 16
15	Không tổ chức giám sát, nghiệm thu việc khắc phục, sửa chữa của nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình xây dựng.		Điểm a -khoản 1 - điều 17
16	Không xác nhận hoàn thành bảo hành công trình xây dựng cho nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình xây dựng		Điểm b -khoản 1 - điều 17

Stt	Lỗi vi phạm	Mức phạt tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý xử phạt
1	Không báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định khi xảy ra sự cố công trình	Từ 1 triệu đến 5 triệu	Điểm a -khoản 2 - điều 16
2	Không tổ chức bảo vệ hiện trường sự cố công trình hoặc tự ý phá dỡ, thu dọn hiện trường khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận		Điểm b -khoản 2 - điều 16
3	Không lập hồ sơ sự cố công trình theo quy định		Điểm c -khoản 2 - điều 16
1	Gây lún nứt, hư hỏng công trình lân cận hoặc công trình hạ tầng kỹ thuật (đối với nhà ở riêng lẻ ở đô thị)	Từ 3 triệu đến 5 triệu	Điểm b -khoản 2 - điều 13
2	Thi công sai giấy phép xây dựng được cấp đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo (đối với nhà ở riêng lẻ ở đô thị)		Điểm b -khoản 3 - điều 13
3	Vi phạm công tác QLCL công trình gây sụp đổ hoặc có nguy cơ gây sụp đổ công trình lân cận mà không gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của người khác (đối với nhà ở riêng lẻ ở nông thôn hoặc công trình khác)		Điểm a -khoản 4 - điều 13
4	Thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng (đối với nhà ở riêng lẻ nông thôn hoặc công trình khác)		Điểm a -khoản 6 - điều 13
1	Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ kết quả khảo sát xây dựng theo quy định.	Từ 5 triệu đến 10 triệu	Khoản 1 - điều 6
2	Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng theo quy định.		Khoản 1 - điều 7
3	Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ thiết kế , dự toán xây dựng công trình		Khoản 1 - điều 9

Stt	Lỗi vi phạm	Mức phạt tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý xử phạt
4	Không che chắn hoặc che chắn nhưng để rơi vãi vật liệu xây dựng xuống các khu vực xung quanh hoặc để vật liệu xây dựng không đúng nơi quy định (đối với công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình)	Từ 5 triệu đến 10 triệu	Điểm b -khoản 1 - điều 13
5	Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ QLCL công trình xây dựng theo quy định		Khoản 3 - điều 16
6	Đề cán bộ giám sát thi công của nhà thầu giám sát ký các tài liệu trong hồ sơ nghiệm thu mà không có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình hoặc chứng chỉ không phù hợp với nội dung nghiệm thu		Điểm a -khoản 1 - điều 18
7	Nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng khi chưa có ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định		Điểm b -khoản 1 - điều 18
1	Thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng (đối với nhà ở riêng lẻ ở đô thị)	Từ 10 triệu đến 15 triệu	Điểm b -khoản 6 - điều 13
1	Tổ chức nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng không đúng trình tự, thủ tục quy định	Từ 10 triệu đến 20 triệu	Khoản 2 - điều 6
2	Điều chỉnh quy hoạch không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quy định, quy hoạch phân khu không phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết không phù hợp với quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết có tỷ lệ lớn hơn không phù hợp với quy hoạch chi tiết có tỷ lệ nhỏ hơn đã được phê duyệt		Điểm a -khoản 2 - điều 7
3	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư phát triển đô thị mà không điều chỉnh đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.		Điểm b -khoản 2 - điều 7

Stt	Lỗi vi phạm	Mức phạt tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý xử phạt
4	Thi công sai giấy phép xây dựng được cấp đối với trường hợp cấp phép xây dựng mới (đối với nhà ở riêng lẻ ở đô thị)	Từ 10 triệu đến 20 triệu	Điểm b -khoản 5 - điều 13
5	Lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình không đủ điều kiện năng lực theo quy định		Điểm a -khoản 2 - điều 15
6	Đề nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình bố trí nhân lực không phù hợp với hồ sơ thầu		Điểm b -khoản 2 - điều 15
7	Năng lực thực tế về nhân lực, thiết bị thi công, hệ thống QLCL, giấy phép sử dụng máy móc thiết bị, chất lượng vật tư vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình của nhà thầu thi công xây dựng không đáp ứng yêu cầu trong hồ sơ dự thầu.		Điểm c -khoản 2 - điều 15
8	Không có biên bản kiểm tra biện pháp thi công của nhà thầu, không đóng dấu xác nhận vào bản vẽ thiết kế trước khi đưa ra thi công hoặc có đóng dấu nhưng không ghi nội dung (xác nhận chữ ký, xác nhận ngày, tháng) đầy đủ vào bản vẽ thiết kế trước khi đưa ra thi công.		Điểm d -khoản 2 - điều 15
9	Sử dụng kết quả thí nghiệm của phòng thí nghiệm chưa hợp chuẩn, phiếu kết quả thí nghiệm lập không đúng quy định hoặc thiếu các kết quả thí nghiệm theo quy định		Khoản 4 - điều 16
10	Thiếu bảng tính khối lượng trong hồ sơ nghiệm thu		Khoản 2 - điều 18
1	Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình, không đúng trình tự thủ tục quy định	Từ 15 triệu đến 20 triệu	Điểm a -khoản 2 - điều 9
2	Không thẩm định lại theo quy định khi điều chỉnh thiết kế xây dựng đối với công trình sử dụng vốn nhà nước		Điểm b -khoản 2 - điều 9
3	Điều chỉnh thiết kế xây dựng làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án hoặc làm vượt tổng mức đầu tư đã phê duyệt mà không trình người quyết định đầu tư thẩm định, phê duyệt lại nội dung điều chỉnh đối với công trình sử dụng vốn nhà nước.		Điểm c -khoản 2 - điều 9

Stt	Lỗi vi phạm	Mức phạt tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý xử phạt
4	Phê duyệt thiết kế kỹ thuật không phù hợp với thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công không phù hợp với thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt	Từ 15 triệu đến 20 triệu	Điểm d -khoản 2 - điều 9
5	Phê duyệt dự toán có khối lượng không phù hợp với khối lượng bản vẽ thiết kế		Điểm đ -khoản 2 - điều 9
6	Phê duyệt thiết kế không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quy định, sử dụng tiêu chuẩn xây dựng hết hiệu lực, sử dụng tiêu chuẩn nước ngoài mà chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận.		Điểm e -khoản 2 - điều 9
7	Không tổ chức lập, phê duyệt chỉ dẫn kỹ thuật đối với công trình buộc phải lập chỉ dẫn kỹ thuật		Điểm g -khoản 2 - điều 9
8	Phê duyệt chỉ dẫn kỹ thuật không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt		Điểm h -khoản 2 - điều 9
9	Phê duyệt thiết kế an toàn quá mức cần thiết theo quy định đối với công trình sử dụng vốn nhà nước		Điểm i -khoản 2 - điều 9
10	Không tổ chức nghiệm thu hoặc tổ chức nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng không đúng quy định		Điểm k -khoản 2 - điều 9
11	Khởi công công trình khi chưa đủ điều kiện khởi công		Khoản 2 - điều 12
12	Gây lún nứt, hư hỏng công trình lân cận hoặc công trình hạ tầng kỹ thuật (đối với công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình		Điểm c -khoản 2 - điều 13
13	Vi phạm công tác QLCL công trình gây sập đổ hoặc có nguy cơ gây sập đổ công trình lân cận mà không gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của người khác (đối với nhà ở riêng lẻ ở đô thị)		Điểm b -khoản 4 - điều 13
01	Thiết kế xây dựng công trình hoặc thuê nhà thầu thiết kế xây dựng công trình không đủ điều kiện năng lực theo quy định	Từ 20 triệu đến 25 triệu	Khoản 3 - điều 9

Stt	Lỗi vi phạm	Mức phạt tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý xử phạt
01	Không thành lập hoặc thành lập Ban QLDA không đủ điều kiện năng lực theo quy định	Từ 20 triệu đến 30 triệu	Điểm a - khoản 1 - điều 10
02	Không thuê tổ chức làm tư vấn QLDA trong trường hợp không đủ điều kiện năng lực theo quy định hoặc thuê tổ chức làm tư vấn QLDA không đủ điều kiện năng lực theo quy định		Điểm b - khoản 1 - điều 10
03	Thi công sai giấy phép xây dựng được cấp đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo Thi công sai giấy phép xây dựng được cấp đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo (đối với công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình)		Điểm c - khoản 3 - điều 13
04	Vi phạm công tác QLCL công trình gây sập đổ hoặc có nguy cơ gây sập đổ công trình lân cận mà không gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của người khác (đối với công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình)		Điểm c - khoản 3 - điều 14
05	Không thực hiện kiểm định chất lượng hoặc kiểm định chất lượng công trình xây dựng không đúng quy định.		Điểm a- khoản 5 - điều 16
06	Không sử dụng vật liệu không nung đối với công trình bắt buộc sử dụng vật liệu xây dựng không nung		Điểm b - khoản 5 - điều 16
07	Không lập quy trình bảo trì công trình xây dựng theo quy định		Điểm a - khoản 2 - điều 17
08	Không thực hiện bảo trì công trình theo đúng quy trình bảo trì công trình xây dựng được phê duyệt		Điểm b - khoản 2 - điều 17
09	Không lập, phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình		Điểm c - khoản 2 - điều 17
10	Không báo cáo theo quy định với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền việc thực hiện bảo trì công trình và sự an toàn của công trình đối với công trình từ cấp II trở lên và các công trình khi xảy ra sự cố có thể gây thảm họa		Điểm d - khoản 2 - điều 17

Stt	Lỗi vi phạm	Mức phạt tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý xử phạt
11	Không thực hiện kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận việc kéo dài thời hạn sử dụng công trình đối với công trình đã hết tuổi thọ thiết kế quy định	Từ 20 triệu đến 30 triệu	Điểm đ - khoản 2 - điều 17
12	Không thực hiện quan trắc công trình đối với công trình, bộ phận công trình theo quy định bắt buộc phải thực hiện quan trắc.		Điểm e - khoản 2 - điều 17
13	Quyết toán công trình chậm kể từ khi hạng mục công trình, công trình xây dựng đã được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào khai thác sử dụng (trường hợp chậm quá 03 tháng đối với công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình)		Điểm d - khoản 4 - điều 18
01	Không lập, phê duyệt nhiệm vụ khảo sát xây dựng, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng hoặc không phê duyệt bổ sung nhiệm vụ khảo sát xây dựng trước khi nhà thầu thực hiện khảo sát xây dựng.	Từ 30 triệu đến 40 triệu	Điểm a - khoản 3 - điều 6
02	Thực hiện khảo sát xây dựng hoặc thuê nhà thầu khảo sát không đủ điều kiện năng lực theo quy định		Điểm b - khoản 3 - điều 6
03	Không thực hiện giám sát khảo sát xây dựng theo quy định		Điểm c - khoản 3 - điều 6
04	Không tổ chức nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng		Điểm d - khoản 3 - điều 6
05	Thực hiện khảo sát xây dựng không đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quy định hoặc thực hiện khảo sát không phù hợp với phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng đã được phê duyệt		Điểm đ - khoản 3 - điều 6
06	Sử dụng bản đồ địa hình không đáp ứng yêu cầu cho việc lập quy hoạch đô thị phù hợp với từng loại đồ án quy hoạch đô thị		Điểm e - khoản 3 - điều 6
07	Không thực hiện đo đạc khảo sát bổ sung trong trường hợp bản đồ địa hình không phù hợp với hiện trạng tại thời điểm lập quy hoạch xây dựng.		Điểm g - khoản 3 - điều 6
08	Lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà không đủ điều kiện năng lực theo quy định		Khoản 1 - điều 8
09	Không tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng đối với công trình theo quy định bắt buộc phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình.		Khoản 2 - điều 8
10	Lập dự án đầu tư xây dựng công trình không đầy đủ nội dung theo quy định		Khoản 3 - điều 8

Stt	Lỗi vi phạm	Mức phạt tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý xử phạt
11	Phê duyệt biện pháp thi công không đảm bảo tính kinh tế - kỹ thuật, tính toán cụ ly vận chuyển, phương tiện vận chuyển không phù hợp thực tế làm tăng chi phí trong dự toán đối với công trình sử dụng vốn nhà nước.		Điểm a - khoản 4 - điều 9
12	Phê duyệt dự toán có nội dung áp dụng mã định mức không phù hợp với nội dung công việc; số liệu sai lệch với nội dung mã định mức áp dụng đối với công trình sử dụng vốn nhà nước.	Từ 30 triệu đến 40 triệu	Điểm b - khoản 4 - điều 9
13	Phê duyệt dự toán có nội dung áp dụng mã định mức chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt mà định mức đó cao hơn định mức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với công trình sử dụng vốn nhà nước.		Điểm c - khoản 4 - điều 9
14	Phê duyệt dự toán khi không có bản vẽ thiết kế các công trình phụ trợ, công trình tạm phục vụ công trình chính nhưng đưa khối lượng các công trình này vào dự toán để tính chi phí xây dựng đối với công trình sử dụng vốn nhà nước.		Điểm d - khoản 4 - điều 9
15	Không giám sát hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm giám sát theo quy định đối với việc thực hiện quy hoạch, tiến độ dự án đầu tư phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.		Khoản 1 - điều 11
16	Tổ chức giải phóng mặt bằng sai quy hoạch xây dựng hoặc dự án đầu tư xây dựng công trình đã được phê duyệt.		Điểm a - khoản 1 - điều 14
17	Thực hiện đền bù tài sản để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình sai quy định		Điểm b - khoản 1 - điều 14
18	Áp dụng giá đền bù sai quy định		Điểm c - khoản 1 - điều 14
19	Tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình khi không đủ điều kiện năng lực theo quy định; thuê tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình không đủ điều kiện năng lực theo quy định; không tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định (trừ nhà ở riêng lẻ)		Điểm a - khoản 3 - điều 15
20	Đề nhà thầu thi công thi công sai thiết kế được duyệt; thi công không đúng biện pháp tổ chức thi công được duyệt		Điểm b - khoản 3 - điều 15
21	Đề nhà thầu thi công không có bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc bảo lãnh không đủ theo quy định; không gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng khi đến thời hạn gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng		Điểm c - khoản 3 - điều 15

Stt	Lỗi vi phạm	Mức phạt tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý xử phạt
22	Không gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để thẩm tra thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình theo quy định phải được cơ quan có thẩm quyền thẩm tra thiết kế.	Từ 30 triệu đến 40 triệu	Khoản 6 - điều 16
23	Không tổ chức thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì trước khi nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng		Khoản 3 - điều 17
24	Đề nhà thầu nước ngoài thực hiện những công việc khi chưa được cấp giấy phép thầu theo quy định		Khoản 1 - điều 19
01	Thi công sai nội dung giấy phép xây dựng được cấp đối với trường hợp cấp phép xây dựng mới (đối với xây dựng công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình)	Từ 30 triệu đến 50 triệu	Điểm c -khoản 5 - điều 13
02	Thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng (đối với xây dựng công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình)		Điểm c -khoản 6 - điều 13
03	Không có chứng chỉ vật liệu đầu vào, kết quả thí nghiệm vật liệu và các cấu kiện theo quy định trong hồ sơ nghiệm thu		Khoản 3 - điều 18
04	Quyết toán công trình chậm kể từ khi hạng mục công trình, công trình xây dựng đã được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào khai thác sử dụng (trường hợp chậm quá 06 tháng đối với hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án nhóm C)		Điểm c -khoản 4 - điều 18
05	Thanh toán khi chưa có đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định		Khoản 5 - điều 18
01	Thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng không đúng quy định đối với công trình sử dụng vốn nhà nước	Từ 40 triệu đến 50 triệu	Khoản 2 - điều 10
02	Thực hiện đầu tư phát triển khu đô thị không tuân theo kế hoạch và tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt		Điểm a -khoản 2 - điều 11

Stt	Lỗi vi phạm	Mức phạt tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý xử phạt
03	Không bàn giao dự án theo tiến độ đã được phê duyệt	Từ 40 triệu đến 50 triệu	Điểm b -khoản 2 - điều 11
04	Xây dựng công trình trên đất không được phép xây dựng		Điểm a -khoản 7 - điều 13
05	Xây dựng công trình sai thiết kế được phê duyệt hoặc sai quy hoạch xây dựng hoặc thiết kế đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với công trình xây dựng được miễn giấy phép xây dựng.		Điểm b -khoản 7 - điều 13
06	Lựa chọn nhà thầu nước ngoài không đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện công việc.		Khoản 2 - điều 19
01	Tổ chức thi công xây dựng công trình sai thiết kế đã được duyệt hoặc sai quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc sai tiêu chuẩn được quy định áp dụng	Từ 50 triệu đến 60 triệu	Khoản 7 - điều 16
02	Đưa các hạng mục công trình xây dựng hoàn thành, công trình xây dựng hoàn thành vào sử dụng khi chưa tổ chức nghiệm thu		Khoản 6 - điều 18
01	Quyết toán công trình chậm kể từ khi hạng mục công trình, công trình xây dựng đã được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào khai thác sử dụng (trường hợp chậm quá 09 tháng đối với hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án nhóm B)	Từ 50 triệu đến 70 triệu	Điểm b -khoản 4 - điều 18
01	Nghiệm thu khi chưa có khối lượng thi công hoặc nghiệm thu sai khối lượng thi công thực tế	Từ 70 triệu đến 80 triệu	Điểm a -khoản 7 - điều 18
02	Công trình đã nghiệm thu nhưng không đảm bảo về chất lượng theo hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn thành công trình		Điểm b -khoản 7 - điều 18
01	Quyết toán công trình chậm kể từ khi hạng mục công trình, công trình xây dựng đã được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào khai thác sử dụng (trường hợp chậm quá 12 tháng đối với hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án nhóm A)	Từ 70 triệu đến 100 triệu	Điểm a -khoản 4 - điều 18